



CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 2/2025

CTCP Địa ốc Sài Gòn Thương Tín

Ngày 30/06/2025	7,180 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	4.1%	6.5%	27.1%

DT thuần Q2/25
409
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 299 272%
YoY: ▲ 334 443%

LN thuần Q2/25
44.4
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 36.1 435%
YoY: ▲ 33.5 308%

LN sau thuế Q2/25
30.2
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 28.3 1489%
YoY: ▲ 34.3 836%

Tỷ suất lãi EBIT Q2/25
27.1%
YoY: +/- ▼ 33.6%

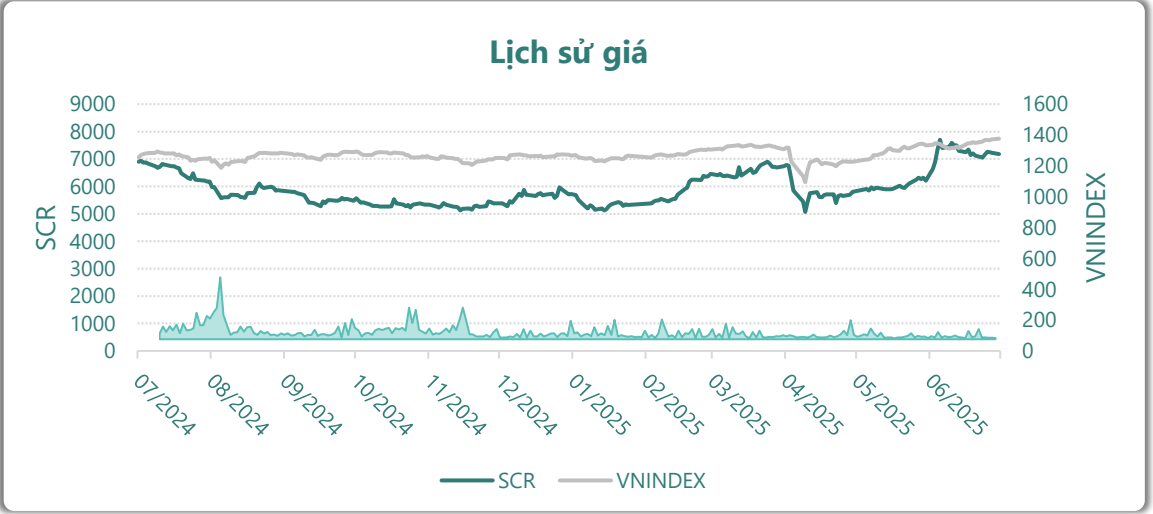
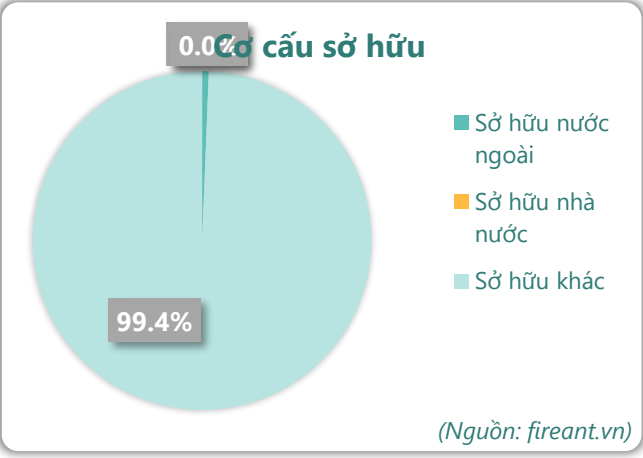
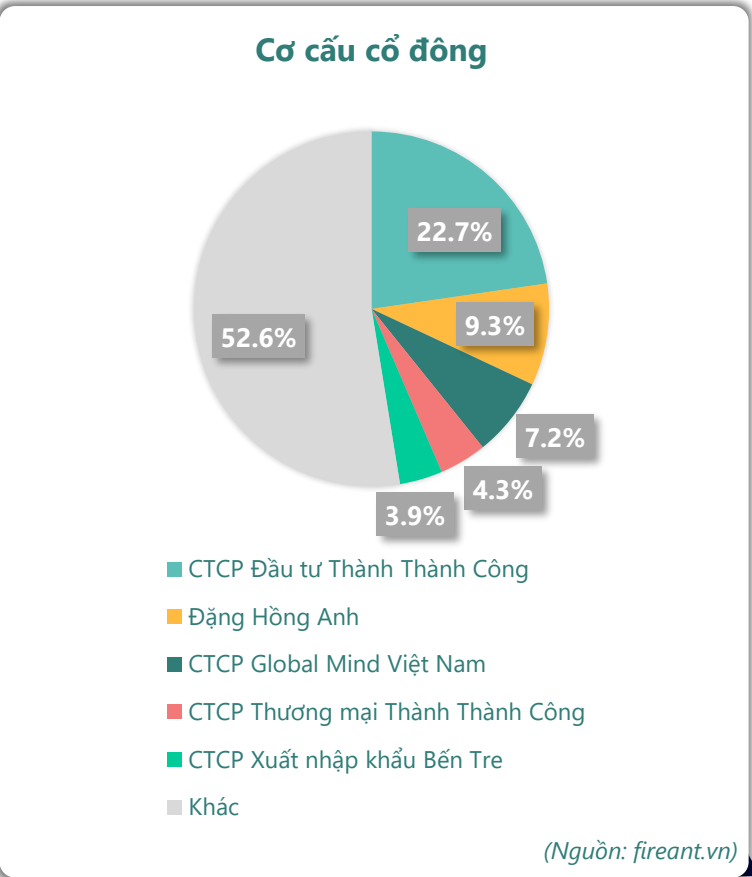
ROE (TTM) Q2/25
0.6%
YoY: +/- ▲ 0.6%

Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	5,070 - 7,700
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	3,092
Số lượng CPLH (CP)	430,595,036
KLGD BQ 20 phiên (CP)	7,472,589
Sở hữu nước ngoài	0.6%
Beta	1.17
EPS	76
P/E	94.6

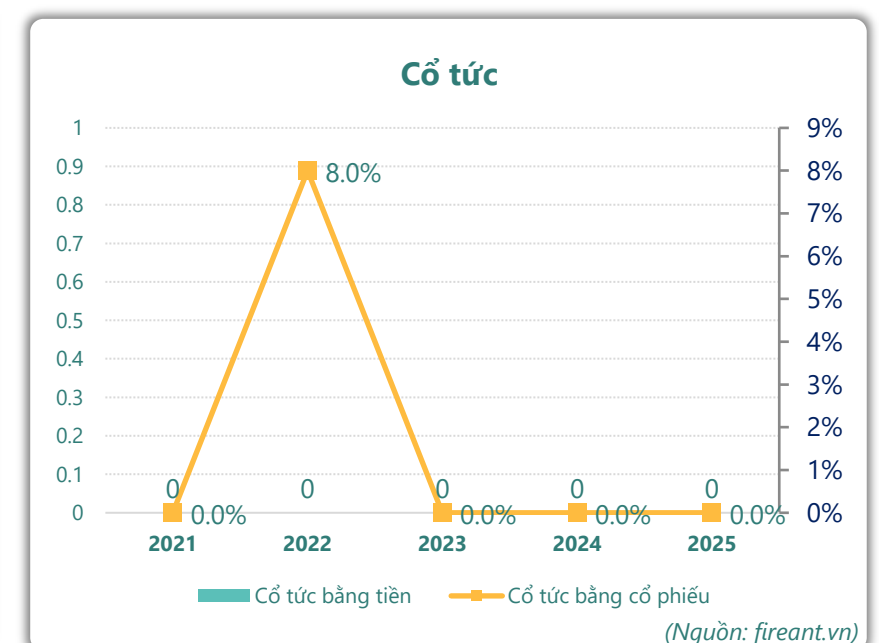
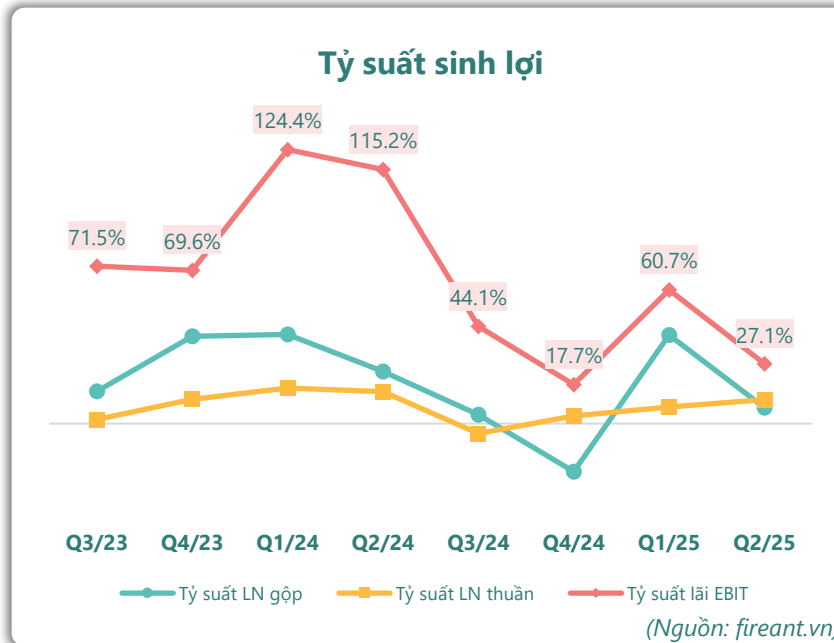
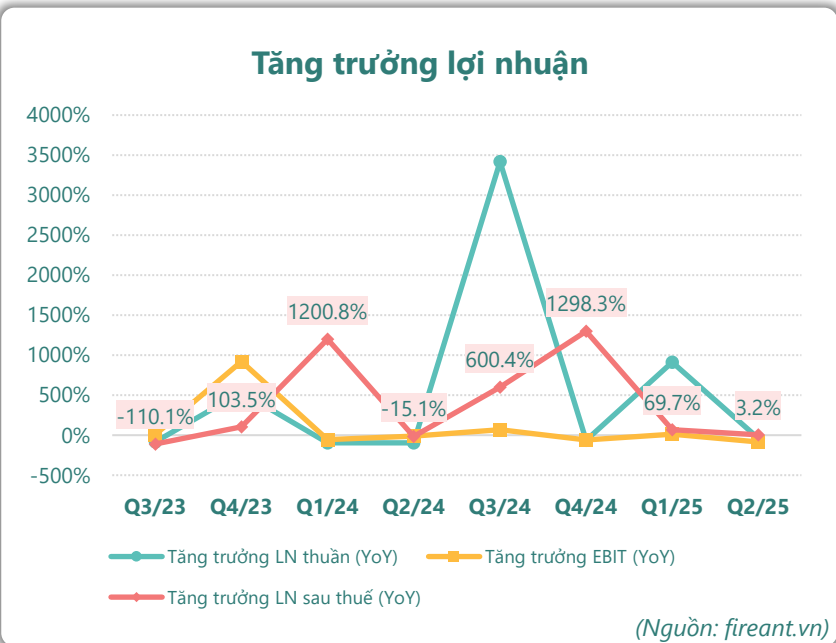
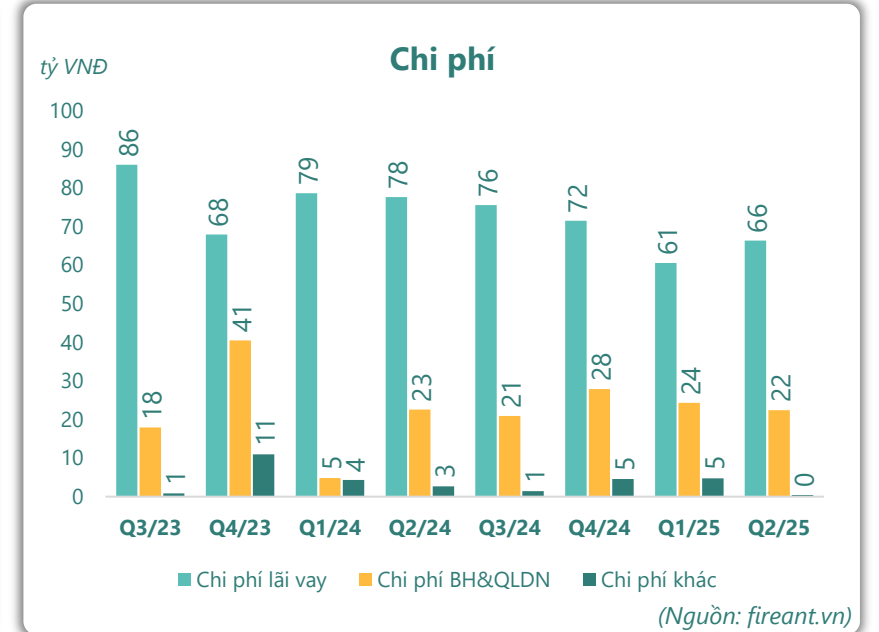
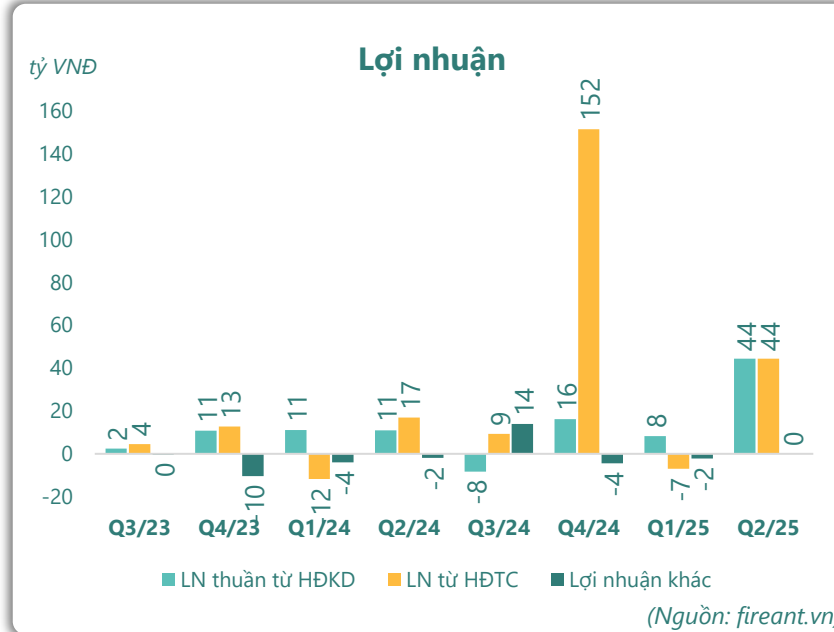
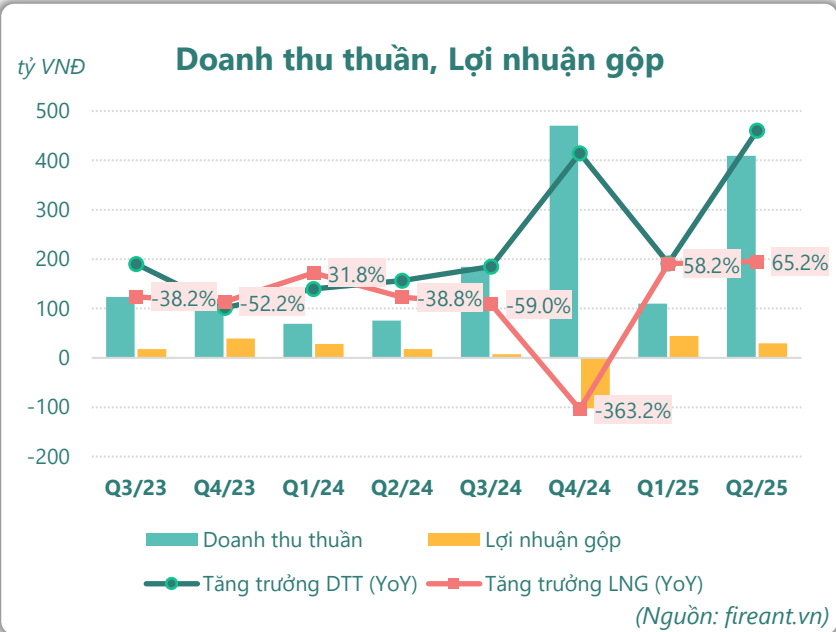
DT thuần 6T 2025
519
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 375 260%

LN thuần 6T 2025
52.8
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 30.7 139%

LN sau thuế 6T 2025
32.1
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 31.4 4768%



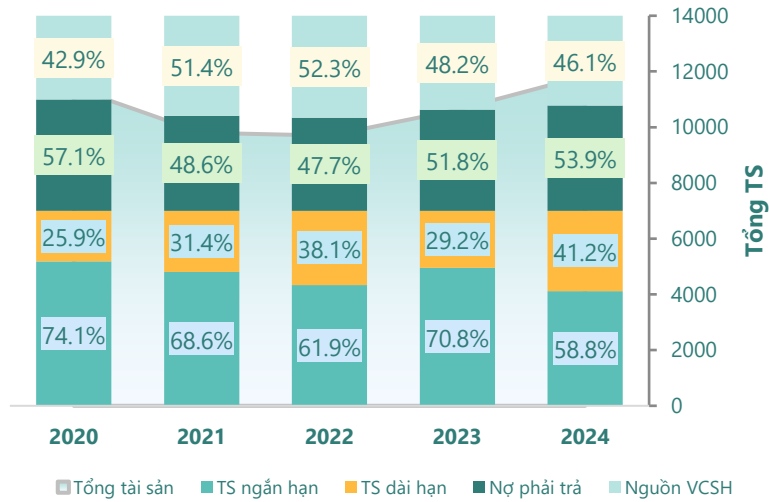
KẾT QUẢ KINH DOANH



TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

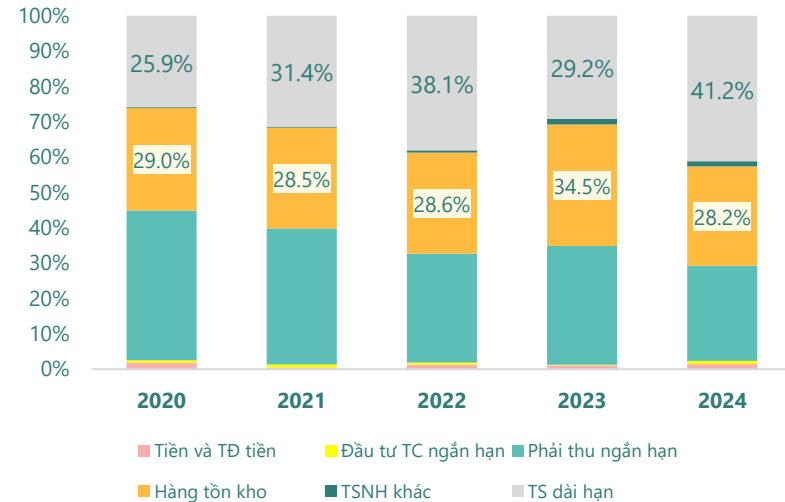
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

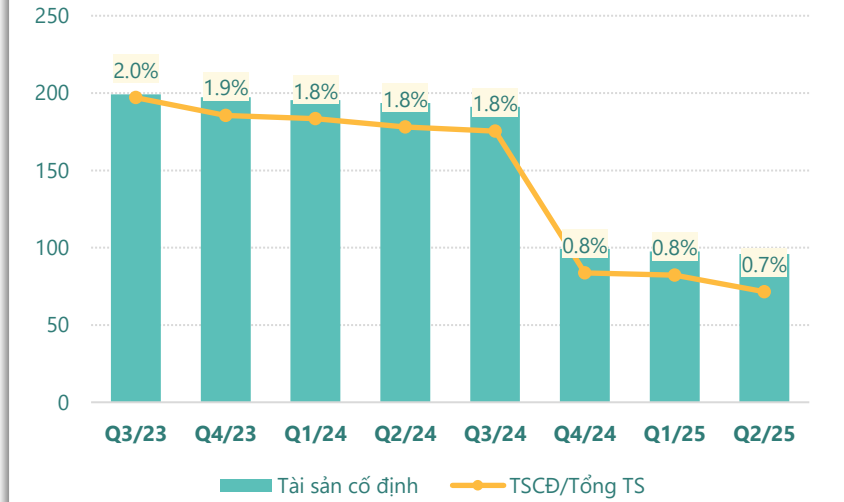
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

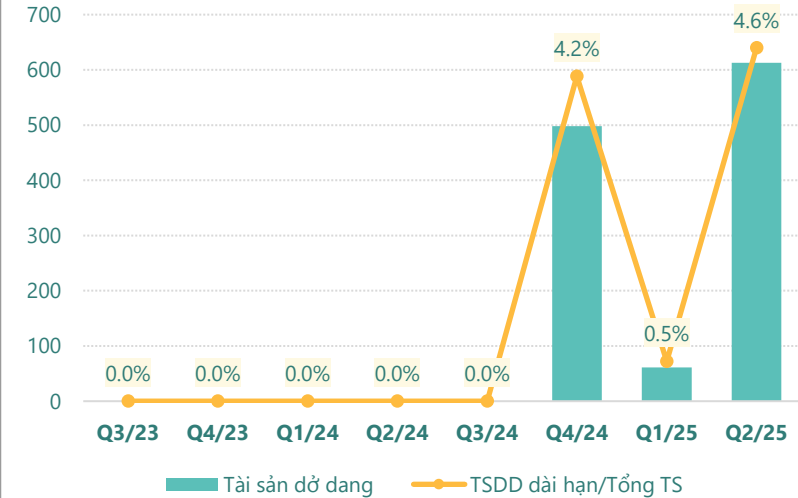
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

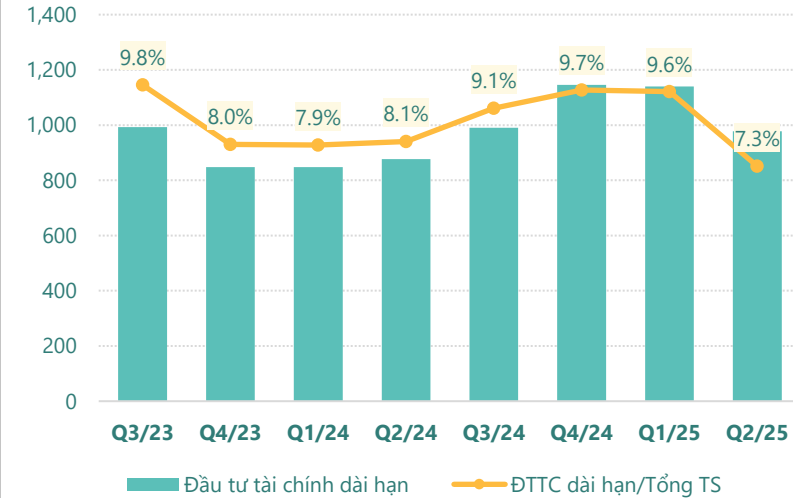
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

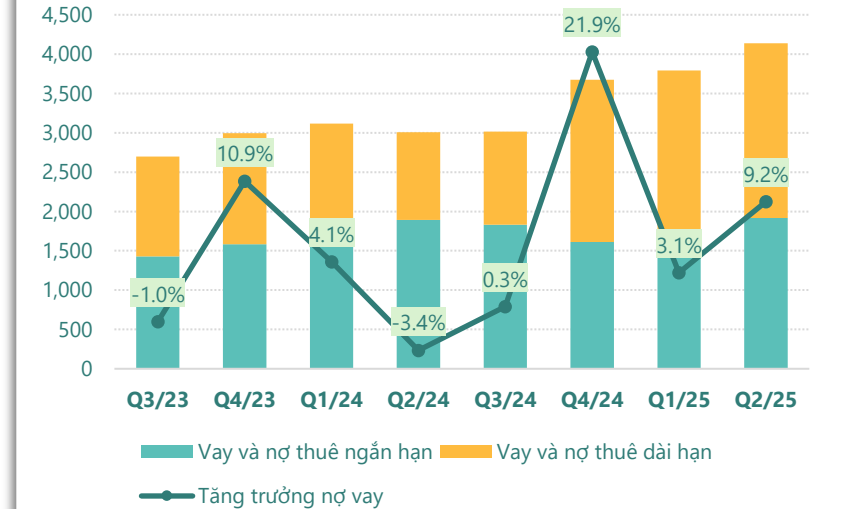
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

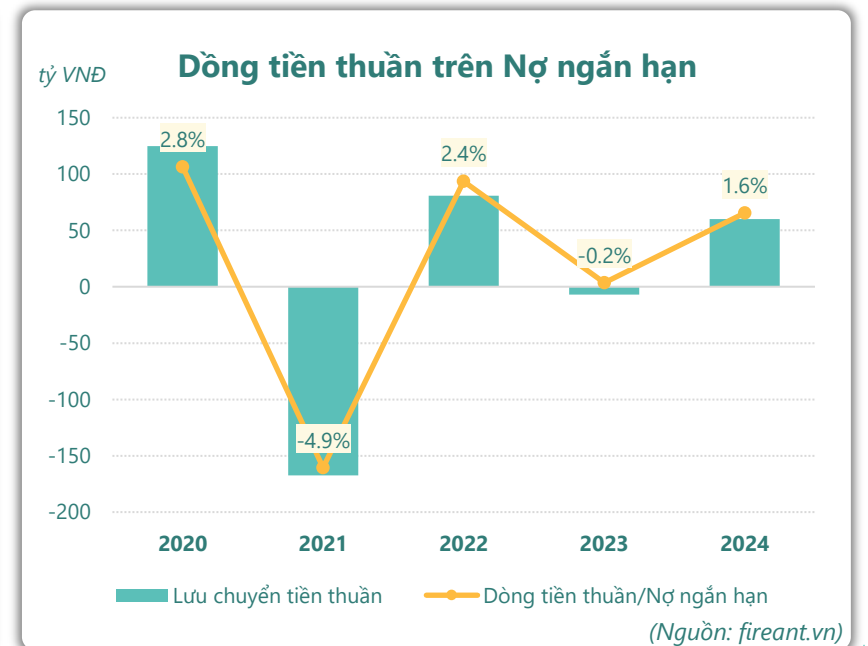
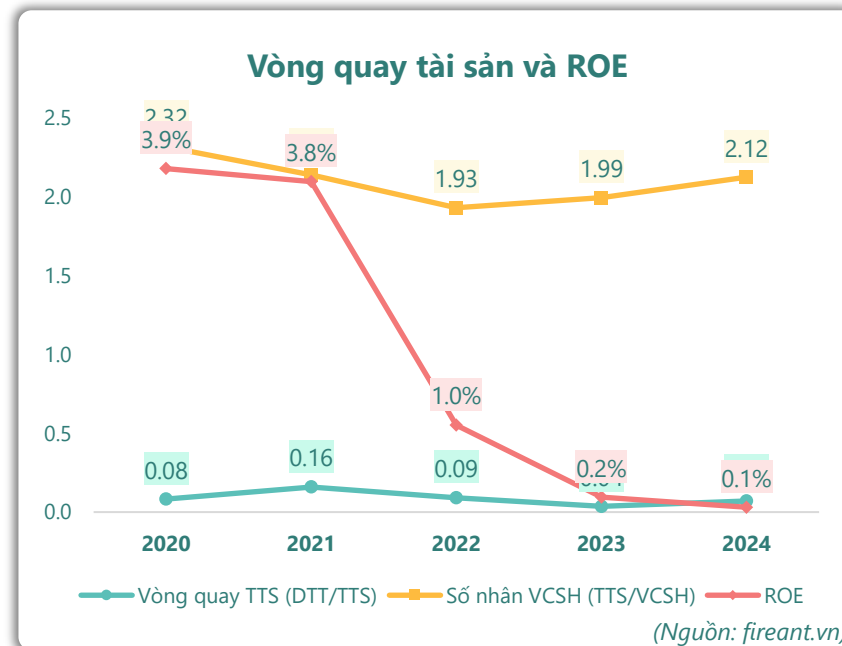
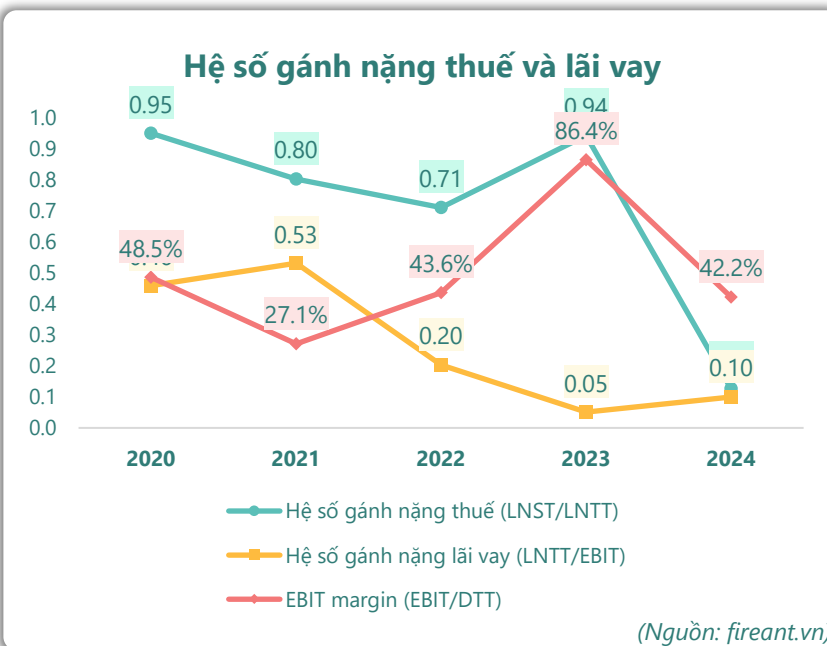
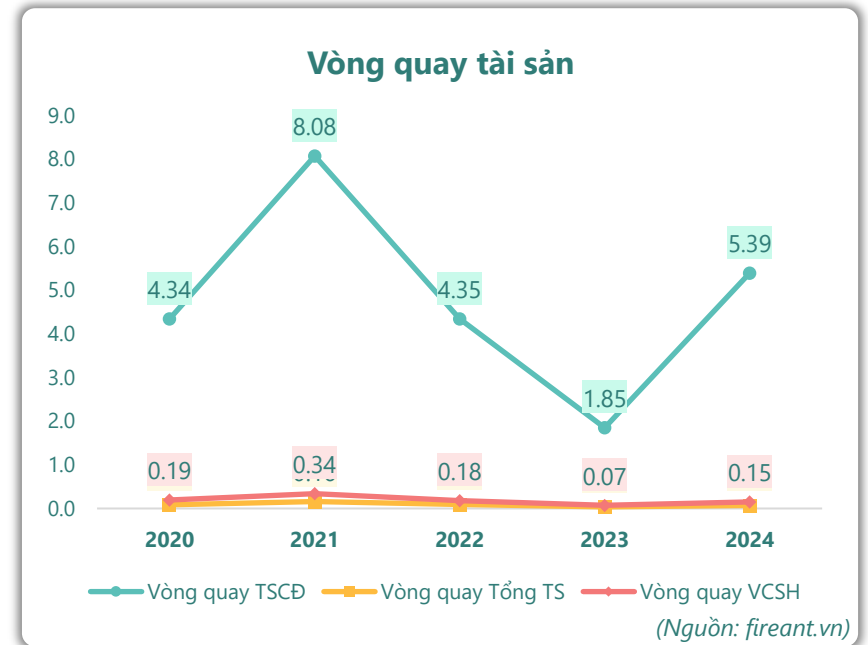
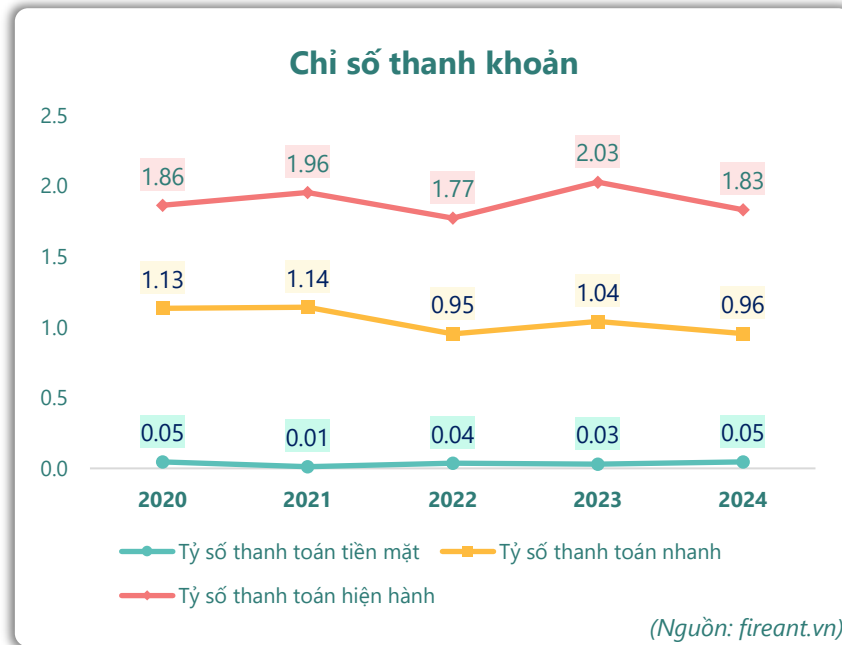
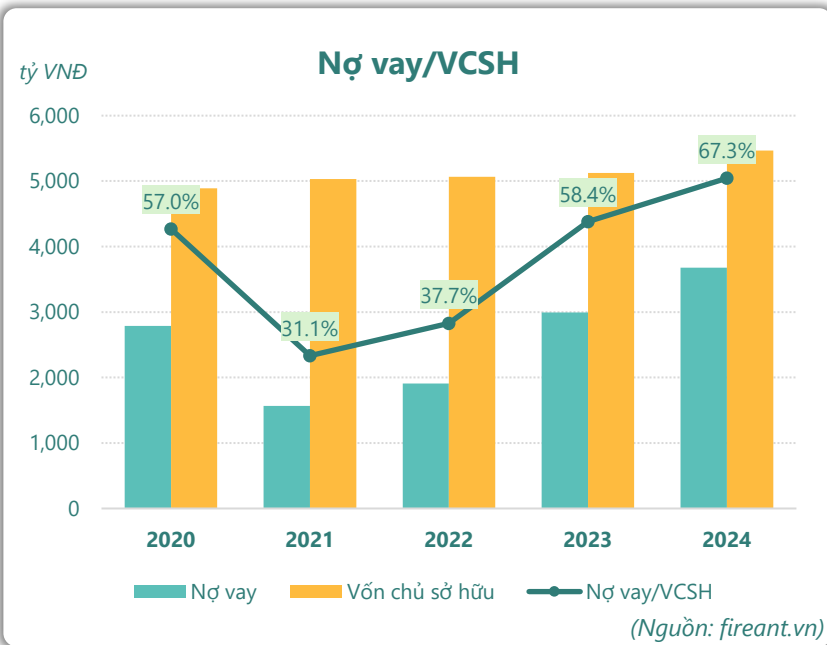
Nợ vay

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG





KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)	Q2/25	Q2/24	Thay đổi YoY	6T 2025	6T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	409	75.3	443%	519	144	260%
Giá vốn hàng bán	380	57.4	561%	445	98.5	352%
Lợi nhuận gộp	29.5	17.8	65.5%	73.6	45.7	60.9%
Doanh thu HĐTC	113	94.7	19.3%	168	162	3.7%
Chi phí TC	68.6	77.8	-11.9%	130	157	-16.8%
Chi phí lãi vay	66.4	77.7	-14.6%	127	156	-18.8%
LN trong công ty LKLD	-7.04	-1.17	-501%	-11.6	-1.34	-770%
Chi phí bán hàng	2.59	2.71	-4.4%	5.39	5.21	3.6%
Chi phí QLDN	19.8	19.9	-0.5%	41.3	22.2	85.7%
LN thuần từ HĐKD	44.4	10.9	308%	52.8	22.1	139%
Lợi nhuận khác	0.07	-1.90	103%	-2.06	-5.94	65.3%
LN trước thuế	44.5	9.05	392%	50.7	16.1	214%
Lợi nhuận sau thuế	30.2	-4.10	836%	32.1	0.66	4768%
LNST của CĐ cty mẹ	29.4	-3.70	896%	31.0	1.21	2463%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-177	133	36.1	-1,822	-248	475
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	22.0	-20.1	-37.2	896	85.4	-502
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	122	-108	8.05	1,009	115	348
Tiền đầu kỳ	115	81.1	85.6	92.6	175	128
Lưu chuyển tiền thuần	-33.8	4.48	6.99	82.3	-46.8	321
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	81.1	85.6	92.6	175	128	449

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	13,396	11,847	13.1%
Tài sản ngắn hạn	7,493	6,970	7.5%
Tiền và tương đương tiền	449	175	157%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	76.7	98.4	-22.0%
Phải thu ngắn hạn	3,228	3,187	1.3%
Hàng tồn kho	3,553	3,337	6.5%
Tài sản ngắn hạn khác	187	173	8.1%
Tài sản dài hạn	5,902	4,877	21.0%
Phải thu dài hạn	2,262	1,988	13.8%
Tài sản cố định	95.8	99.2	-3.5%
Bất động sản đầu tư	1,583	710	123%
Tài sản dở dang	613	612	0.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	977	1,145	-14.6%
Tài sản dài hạn khác	331	275	20.6%
Lợi thế thương mại	40.5	47.2	-14.3%
Nợ phải trả	7,901	6,382	23.8%
Nợ ngắn hạn	4,392	3,801	15.6%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	1,917	1,610	19.1%
Phải trả người bán ngắn hạn	772	453	70.2%
Nợ dài hạn	3,508	2,581	35.9%
Vay và nợ thuê dài hạn	2,222	2,066	7.5%
Nguồn vốn chủ sở hữu	5,495	5,465	0.5%
Vốn chủ sở hữu	5,495	5,465	0.5%
Vốn điều lệ	4,306	4,306	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

